

# PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI GIÁO DỤC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

Lê Thị Huyền, Hoàng Thu Giang  
Khoa Tiếng Anh Chuyên ngành, Trường Đại học Ngoại thương  
Email: huyenlt@ftu.edu.vn; gianght@ftu.edu.vn

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này vận dụng phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu có hệ thống nhằm: (i) hệ thống hóa cơ sở lý luận về năng lực số thông qua việc đối chiếu khung DigCompEdu và mô hình TPACK; (ii) chẩn đoán thực trạng năng lực số của đội ngũ giảng viên tại Trường Đại học Ngoại thương (FTU) dựa trên dữ liệu thứ cấp; và (iii) đề xuất một khung năng lực số đặc thù, phù hợp với sứ mệnh quốc tế hóa và đặc điểm đào tạo của FTU. Kết quả phân tích chỉ ra rằng, trong khi giảng viên FTU có ưu thế về khả năng tiếp cận và sử dụng công nghệ ở mức cơ bản, những hạn chế đáng kể vẫn tồn tại trong việc tích hợp chiều sâu công nghệ vào sư phạm số, ứng dụng phân tích dữ liệu học tập và nghiên cứu học thuật có ứng dụng số. Từ đó, bài viết đề xuất một khung năng lực số gồm năm trụ cột: (1) công nghệ số nền tảng, (2) sư phạm số, (3) nghiên cứu và dữ liệu, (4) hợp tác học thuật số, và (5) đạo đức và an toàn số. Các hàm ý quản trị nhân sự học thuật cũng được thảo luận nhằm hỗ trợ các cơ sở giáo dục đại học tối ưu hóa chiến lược phát triển nguồn nhân lực trong kỷ nguyên số.

**Từ khóa:** năng lực số; giảng viên đại học; chuyển đổi số giáo dục; DigCompEdu; TPACK.

## DIGITAL COMPETENCY DEVELOPMENT FOR UNIVERSITY LECTURERS IN THE CONTEXT OF EDUCATIONAL TRANSFORMATION AT FOREIGN TRADE UNIVERSITY

**Abstract:** In the context of rapid digital transformation in higher education driven by the Fourth Industrial Revolution, digital competency has emerged as a pivotal determinant of institutional adaptability and educational quality. This study adopts a systematic document analysis and synthesis approach to: (i) consolidate the theoretical underpinnings of digital competency through a comparative review of the DigCompEdu framework and the TPACK model; (ii) diagnose the current state of digital competency among lecturers at Foreign Trade University (FTU) using secondary data; and (iii) propose a context-specific digital competency framework aligned with FTU's internationalization mandate and academic profile. Findings reveal that while FTU lecturers demonstrate relative strengths in technology accessibility and basic digital adoption, significant gaps persist in deep technology integration for digital pedagogy, learning analytics application, and data-driven academic research. In response, the paper proposes a five-pillar digital competency framework comprising: (1) foundational digital technology, (2) digital pedagogy, (3) research and data literacy, (4) digital academic collaboration, and (5) digital ethics and safety. Managerial implications for academic human resource development are also discussed to assist universities in optimizing their digital-era talent strategies.

**Keywords:** digital competency; university lecturers; educational digital transformation; DigCompEdu; TPACK.

Nhận bài: 16/03/2026

Phản biện: 16/04/2026

Duyệt đăng: 20/04/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Làn sóng Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) với các công nghệ cốt lõi như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và điện toán đám mây đang tái cấu trúc toàn diện hệ sinh thái giáo dục đại học trên phạm vi toàn cầu. Chuyển đổi số trong giáo dục không còn là quá trình số hóa tài liệu đơn thuần mà đã tiến tới việc chuyển đổi các mô hình sư phạm, tích hợp các môi trường đào tạo trực tuyến, học tập kết hợp (blended learning) và lớp học đảo ngược (flipped classroom) vào quy trình giảng dạy (Crompton & Burke, 2023). Trong tiến trình đó, giảng viên đại học không còn đơn thuần đóng vai trò truyền thụ tri thức mà còn là nhà thiết kế, điều phối và đánh giá trong các môi trường học tập số phức hợp. Năng lực số vì vậy đã trở thành điều kiện tiên quyết để đảm bảo chất lượng đào tạo và sức cạnh tranh học thuật của cơ sở giáo dục đại học (Vũ & Nguyễn, 2024).

Tại Việt Nam, chuyển đổi số giáo dục được xác định là nhiệm vụ chiến lược quốc gia trong Quyết định số 749/QĐ-TTg về Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Dương & cộng sự, 2021). Tuy nhiên, thực tiễn tại các cơ sở giáo dục đại học phản ánh một nghịch lý đáng chú ý: trong khi đầu tư hạ tầng công nghệ ngày càng mở rộng, khả năng khai thác và vận dụng công nghệ của đội ngũ giảng viên lại bộc lộ nhiều bất cập. Năng lực số trong môi trường học thuật hiện đại đã vượt ra ngoài phạm vi kỹ năng tin học cơ bản để bao hàm khả năng thiết kế học liệu số, ứng dụng AI trong đánh giá người học, phân tích dữ liệu học tập (learning analytics) và kiến tạo mạng lưới học thuật xuyên quốc gia (Crompton & Burke, 2023; Nazyrova et al, 2025).

Trong bối cảnh đó, Trường Đại học Ngoại thương (FTU) là một cơ sở giáo dục đại học mang định hướng quốc tế hóa cao, đào tạo các khối ngành kinh tế và ngoại ngữ, đứng trước yêu cầu đặc thù về chuẩn mực học thuật và phương pháp giảng dạy tiên tiến. Mặc dù đã có những bước tiến đáng ghi nhận trong hiện đại hóa môi trường đào tạo, các nghiên cứu chuyên sâu nhằm đo lường và định khung năng lực số phù hợp với đặc thù của FTU vẫn còn hạn chế, chủ yếu dừng ở mức độ mô tả thực trạng tổng quát mà chưa cung cấp một khung tham chiếu có tính hệ thống và hàm ý quản trị cụ thể (Trần Thị Thu Hương, 2024; Trịnh & cộng sự, 2023).

Nhằm lấp đầy khoảng trống nghiên cứu nêu trên, bài viết này hướng tới ba mục tiêu cụ thể: (1) hệ thống hóa cơ sở lý luận về năng lực số giảng viên thông qua đối chiếu các khung tham chiếu lý thuyết phổ biến; (2) phân tích thực trạng năng lực số của đội ngũ giảng viên FTU trên cơ sở dữ liệu thứ cấp; và (3) đề xuất một khung năng lực số đặc thù có tính ứng dụng cao, phục vụ chiến lược phát triển nguồn nhân lực của nhà trường trong kỷ nguyên số.

## II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Khái niệm năng lực số trong giáo dục đại học

Năng lực số (digital competency) là một cấu trúc đa chiều, không đồng nhất với các kỹ năng vận hành thiết bị hay phần mềm đơn giản. Trong môi trường sư phạm bậc đại học, Redecker (2017) xác định năng lực số là khả năng nhận thức và vận dụng công nghệ kỹ thuật số một cách có mục đích và có phản ánh phê phán, nhằm gia tăng hiệu quả của hoạt động giảng dạy, đánh giá người học và trao quyền tự chủ học tập cho sinh viên. Ở tầng sâu hơn, năng lực này được xem là giao điểm của tư duy học thuật, tư duy công nghệ và năng lực sư phạm linh hoạt – nơi giảng viên không chỉ sử dụng công nghệ mà còn thiết kế các trải nghiệm học tập lấy người học làm trung tâm trong không gian kỹ thuật số (Mishra & Koehler, 2006).

Một luận điểm chung được thừa nhận rộng rãi là năng lực số không phải là trạng thái tĩnh mà là một quá trình phát triển liên tục, đòi hỏi khả năng thích ứng thường xuyên với sự biến đổi của bối cảnh công nghệ và kỳ vọng ngày càng cao của người học (Vũ & Nguyễn, 2024). Đây là điểm xuất phát lý luận để xem xét các khung tham chiếu lý thuyết dưới đây.

### 2.2. Các khung lý thuyết tiếp cận năng lực số

Hai khung tham chiếu có ảnh hưởng nhất trong nghiên cứu năng lực số của giảng viên đại học là mô hình TPACK và khung DigCompEdu, với vai trò bổ sung lẫn nhau ở cấp độ lý luận và thực tiễn.

Mô hình TPACK (Technological Pedagogical Content Knowledge), do Mishra và Koehler (2006) đề xuất, lý giải rằng năng lực dạy học hiệu quả trong môi trường kỹ thuật số không thể được xem xét độc lập mà phải đặt trong mối tương tác hữu cơ giữa ba thành phần: kiến thức nội dung chuyên môn (Content Knowledge - CK), kiến thức sư phạm (Pedagogical Knowledge - PK) và kiến thức công nghệ (Technological Knowledge - TK). Theo đó, chất lượng của một hoạt động giảng dạy ứng dụng công nghệ phụ thuộc vào mức độ tích hợp đồng thời của cả ba thành phần này: một công cụ chỉ phát huy giá trị thực sự khi phục vụ đúng mục tiêu môn học và được triển khai bằng phương pháp sư phạm phù hợp với đặc điểm người học.

Bổ sung cho TPACK ở cấp độ thực hành, khung DigCompEdu do Ủy ban Châu Âu phát triển (Redecker, 2017) cung cấp một hệ thống đo lường và phát triển năng lực số cho nhà giáo theo sáu lĩnh vực hành vi: (1) Tương tác chuyên nghiệp; (2) Phát triển tài nguyên số; (3) Giảng dạy và học tập số; (4) Đánh giá trong môi trường số; (5) Hỗ trợ người học; và (6) Bồi dưỡng năng lực số cho sinh viên. Khung này còn phân cấp độ thành thạo theo sáu bậc từ “mới làm quen” đến “tiên phong”, tạo điều kiện thiết kế lộ trình phát triển năng lực cá nhân hóa. Gần đây, với sự bùng nổ của AI tạo sinh (Generative AI), khung DigCompEdu đang được bổ sung để tích hợp thêm các năng lực về đạo đức số và quản trị dữ liệu (Van den Broeck, 2024).

Nhìn chung, TPACK cung cấp nền tảng lý luận về cơ chế tích hợp công nghệ – sư phạm ở cấp độ vi mô (bài giảng), trong khi DigCompEdu cung cấp công cụ thực hành để đo lường và phát triển năng lực ở cấp độ vĩ mô (tổ chức). Sự kết hợp cả hai khung sẽ là căn cứ lý thuyết để xây dựng khung đề xuất trong nghiên cứu này.

### 2.3. Tổng quan nghiên cứu và khoảng trống

Trên phạm vi quốc tế, hướng nghiên cứu về năng lực số trong giáo dục đại học đang dịch chuyển từ việc đánh giá khả năng sử dụng các nền tảng trực tuyến sang phân tích các điều kiện tích hợp AI vào thực hành giảng dạy và đánh giá. Crompton và Burke (2023) lập luận rằng thiết kế hệ sinh thái học tập số tác động trực tiếp đến tính linh hoạt của việc học và động lực nội tại của

người học. Ở chiều cạnh đạo đức, các thách thức về liêm chính học thuật và bảo mật dữ liệu trong kỷ nguyên AI tạo sinh đang nổi lên như một lĩnh vực nghiên cứu cấp thiết (Van den Broeck, 2024).

Tại Việt Nam, các công trình nghiên cứu trong lĩnh vực này chủ yếu tiếp cận từ góc độ đánh giá thực trạng và chính sách. Dương và cộng sự (2021) cung cấp bức tranh tổng quan về chuyển đổi số giáo dục đại học ở cấp độ hệ thống. Trịnh và cộng sự (2023) chỉ ra rằng rào cản lớn nhất không phải là thiếu hụt hạ tầng kỹ thuật mà chính là khoảng cách giữa nhận thức của giảng viên về chuyển đổi số và năng lực thực thi công nghệ trong thực tiễn giảng dạy. Ở cấp độ kiến tạo khung, Trần Thị Thu Hương (2024) bước đầu đề xuất một khung năng lực số cho giảng viên đại học Việt Nam dựa trên DigCompEdu có điều chỉnh. Tuy nhiên, khung này mang tính tổng thể và chưa tính đến các đặc thù của các trường đại học có định hướng quốc tế hóa cao và danh mục chuyên ngành hẹp như FTU.

Đây chính là khoảng trống nghiên cứu mà bài viết này hướng tới: đề xuất một khung năng lực số được bối cảnh hóa cho FTU, kết hợp nền tảng lý thuyết từ TPACK và DigCompEdu với đặc thù quản trị và sứ mệnh quốc tế hóa của nhà trường, đồng thời cung cấp các hàm ý quản trị nhân sự có tính ứng dụng thực tiễn.

#### **2.4. Phân tích thực trạng năng lực số tại trường đại học ngoại thương**

Trong chiến lược phát triển giai đoạn vừa qua, Trường Đại học Ngoại thương đã đầu tư đáng kể vào hạ tầng kỹ thuật số. Hệ thống quản lý học tập (Learning Management System - LMS) nội bộ, thư viện số dùng chung và các nền tảng hội nghị trực tuyến (Microsoft Teams, Zoom) đã được triển khai và trở thành công cụ thường nhật trong công tác giảng dạy (Trần Huy Quang, 2020). Đây là nền tảng kỹ thuật thiết yếu cho các bước tiến tiếp theo trong chuyển đổi số học thuật.

Về cấu trúc nhân sự, đội ngũ giảng viên FTU có lợi thế rõ rệt về độ tuổi và khả năng thích ứng công nghệ. Theo các nghiên cứu của Nguyễn (2020) và Nguyễn (2018), tỷ lệ giảng viên trong độ tuổi 30–49 chiếm hơn 84% tại các khoa ngoại ngữ và kinh tế, tạo ra một cơ cấu nhân sự có sức bật công nghệ tốt. Hơn nữa, nghiên cứu của Nguyễn và cộng sự (2020) xác nhận rằng năng lực sư phạm và khả năng ứng dụng công nghệ của giảng viên FTU có mối tương quan thuận chiều với động lực và kết quả học tập của sinh viên, một chỉ báo tiềm năng quan trọng nếu năng lực số được phát triển một cách có hệ thống.

Bên cạnh những kết quả đáng ghi nhận, quá

trình phát triển năng lực số tại FTU vẫn bộc lộ bốn điểm nghẽn mang tính cấu trúc cần được nhận diện và giải quyết:

Thứ nhất, sự phân mảnh trong mức độ tích hợp công nghệ vào sư phạm. Mặc dù hạ tầng kỹ thuật đã sẵn sàng, một bộ phận đáng kể giảng viên vẫn dừng ở việc “số hóa” các hoạt động giảng dạy truyền thống (trình chiếu slide, họp trực tuyến) thay vì “chuyển đổi số” phương pháp sư phạm theo hướng thiết kế học liệu tương tác, gamification hay phân tích hành vi học tập. Khoảng cách này phản ánh đúng nghịch lý mà Trịnh và cộng sự (2023) đã chỉ ra: nhận thức về tầm quan trọng của chuyển đổi số chưa chuyển hóa thành năng lực thực thi sư phạm số.

Thứ hai, thiếu hụt kỹ năng quản trị và phân tích dữ liệu học tập. Các hệ thống LMS hiện đại tạo ra khối lượng lớn dữ liệu về hành vi học tập của sinh viên (thời gian tương tác, tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ, kết quả kiểm tra định kỳ). Tuy nhiên, kiến thức về phân tích dữ liệu giáo dục (learning analytics) và ứng dụng các thông tin này để cá nhân hóa lộ trình học tập vẫn là khoảng trống lớn trong năng lực của đội ngũ giảng viên FTU hiện nay.

Thứ ba, áp lực thời gian và cơ chế khuyến khích chưa đủ mạnh. Nghiên cứu của Nguyễn (2020) chỉ ra rằng sự mất cân đối giữa quy mô đào tạo và số lượng giảng viên tạo ra áp lực giảng dạy lớn, thu hẹp đáng kể quỹ thời gian mà giảng viên có thể dành cho việc nghiên cứu và thử nghiệm các phương pháp giảng dạy số. Hơn nữa, khi cơ chế đánh giá hiệu suất hiện tại chưa tích hợp tiêu chí tường minh về năng lực số, động lực để giảng viên đầu tư phát triển năng lực này cũng bị hạn chế đáng kể.

Thứ tư, thách thức về đạo đức số và liêm chính học thuật trong kỷ nguyên AI tạo sinh. Sự phổ biến ngày càng rộng của các công cụ AI tạo sinh trong cả giảng dạy và học tập đang đặt ra những câu hỏi phức tạp về bảo vệ liêm chính học thuật, quyền sở hữu trí tuệ của học liệu số, bảo mật dữ liệu người học và thiết lập quy tắc ứng xử số trong lớp học, những vấn đề mà nhiều giảng viên chưa được trang bị đầy đủ năng lực để xử lý.

#### **2.5. Đề xuất khung năng lực số đặc thù cho giảng viên FTU**

Trên cơ sở đối chiếu giữa các khung lý thuyết (DigCompEdu, TPACK) và phân tích bốn điểm nghẽn thực tiễn tại FTU, nghiên cứu đề xuất một khung năng lực số gồm năm trụ cột có cấu trúc thứ bậc (Bảng 1). Khung này được thiết kế để vừa đáp ứng các chuẩn mực quốc tế vừa phù hợp với đặc thù đào tạo đa ngành và sứ mệnh hội nhập quốc tế của FTU.

**Bảng 1.** Khung năng lực số đề xuất cho giảng viên Trường Đại học Ngoại thương  
(Nguồn: Tác giả tổng hợp và đề xuất, dựa trên Redecker, 2017 và Mishra & Koehler, 2006)

Trụ cột năng lực	Nội dung cốt lõi	Chỉ báo hành vi tiêu biểu	Liên hệ khung lý thuyết
<b>1. Công nghệ số nền tảng</b>	Làm chủ và vận hành thành thạo các công cụ số thiết yếu trong môi trường đại học.	Sử dụng thành thạo LMS, thiết bị thông minh; tự xử lý sự cố kỹ thuật cơ bản; đánh giá và lựa chọn công cụ phù hợp với mục tiêu giảng dạy.	DigCompEdu (Lĩnh vực 2, 3)
<b>2. Sư phạm số</b>	Tích hợp chiều sâu công nghệ vào thiết kế và thực thi hoạt động giảng dạy, đánh giá.	Thiết kế học liệu số đa phương tiện; triển khai Flipped Classroom; xây dựng bộ công cụ đánh giá trực tuyến đa dạng và khách quan; ứng dụng gamification.	TPACK; DigCompEdu (Lĩnh vực 3, 4)
<b>3. Nghiên cứu &amp; Dữ liệu</b>	Ứng dụng công nghệ số để nâng cao chất lượng nghiên cứu và khai thác dữ liệu học tập.	Khai thác cơ sở dữ liệu học thuật quốc tế; sử dụng AI hỗ trợ tổng quan tài liệu; phân tích learning analytics để cá nhân hóa lộ trình học tập.	DigCompEdu (Lĩnh vực 1, 4)
<b>4. Hợp tác học thuật số</b>	Tham gia và kiến tạo mạng lưới học thuật trên không gian số, đặc biệt ở quy mô quốc tế.	Sử dụng công cụ cộng tác đồng bộ/bất đồng bộ; tham gia webinar và mạng lưới nghiên cứu xuyên biên giới; quản lý danh tính học thuật số (ORCID, Google Scholar Profile).	DigCompEdu (Lĩnh vực 1)
<b>5. Đạo đức và an toàn số</b>	Hành xử chuẩn mực, bảo mật thông tin và duy trì liêm chính học thuật trong môi trường số có AI.	Quản lý bản quyền học liệu số; thiết lập và thực thi quy tắc ứng xử về AI tạo sinh trong lớp học; bảo mật dữ liệu sinh viên theo quy định.	DigCompEdu (Lĩnh vực 5, 6);

Khung đề xuất có ba điểm khác biệt chính so với khung DigCompEdu gốc và khung Trần Thị Thu Hương (2024): (i) bổ sung Trụ cột 3 "Nghiên cứu & Dữ liệu" như một thành phần độc lập, phản ánh vai trò kép của giảng viên đại học vừa là nhà giáo vừa là nhà nghiên cứu – một đặc thù quan trọng mà DigCompEdu chưa tách bạch rõ ràng; (ii) nâng Trụ cột 5 "Đạo đức và an toàn số" lên thành chiều kích bắt buộc và đứng độc lập, trước bối cảnh AI tạo sinh đang thâm nhập sâu vào thực hành học

thuật; và (iii) bổ sung chỉ báo về quản lý danh tính học thuật số (ORCID, Google Scholar Profile) trong Trụ cột 4, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế và xây dựng thương hiệu học thuật của FTU.

Để khung năng lực số đề xuất được chuyển hóa thành thực tiễn quản trị nhân sự học thuật, nhà trường cần triển khai đồng bộ bốn nhóm giải pháp có tính liên kết:

Thứ nhất, tái cấu trúc chương trình bồi dưỡng chuyên môn theo hướng tư duy sư phạm số. Thay

vì các khóa đào tạo kỹ năng sử dụng phần mềm riêng lẻ, FTU cần thiết kế chương trình phát triển chuyên môn liên tục (Continuous Professional Development - CPD) có cấu trúc theo từng trụ cột của khung năng lực, trong đó đặc biệt chú trọng năng lực sư phạm số và phân tích dữ liệu học tập. Chương trình nên kết hợp đào tạo lý thuyết với thực hành phản ánh (reflective practice) để giảng viên có thể chuyển hóa kiến thức thành hành động giảng dạy cụ thể.

Thứ hai, xây dựng Cộng đồng Thực hành số (Digital Communities of Practice - DCoP) liên khoa. Mô hình này tạo không gian để giảng viên tiên phong chia sẻ kinh nghiệm và nhân rộng các sáng kiến ứng dụng công nghệ hiệu quả trong phạm vi tổ chức, đồng thời giảm chi phí đào tạo tập trung. Cần chỉ định các "đại sứ số" (digital ambassadors) tại từng khoa để dẫn dắt quá trình lan tỏa thực hành tốt.

Thứ ba, thiết lập cơ chế khuyến khích có hệ thống. Đây bao gồm: (a) giảm tải giờ chuẩn cho giảng viên tham gia phát triển học liệu số chất lượng cao; (b) cung cấp hỗ trợ tài chính hoặc thời gian nghiên cứu cho các đề án đổi mới giảng dạy số; và (c) đưa tiêu chí năng lực số vào khung đánh giá hiệu suất công việc định kỳ (KPI học thuật) theo hướng minh bạch và có thể đo lường.

Thứ tư, ban hành chính sách quản trị AI trong giảng dạy và học tập. Nhà trường cần sớm xây dựng và công bố bộ hướng dẫn ứng dụng AI có trách nhiệm trong học thuật, bao gồm quy định về liên chính học thuật liên quan đến AI tạo sinh,

bảo mật dữ liệu sinh viên theo chuẩn mực quốc tế và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của học liệu số. Đây vừa là yêu cầu quản trị rủi ro vừa là cam kết với sứ mệnh đào tạo có trách nhiệm.

### III. KẾT LUẬN

Chuyển đổi số trong giáo dục đại học là một quá trình có chiều sâu, đòi hỏi sự tham gia tích cực và có năng lực của đội ngũ giảng viên, những tác nhân trung tâm của mọi đổi mới sư phạm. Thông qua phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu có hệ thống, nghiên cứu này đã: (i) làm rõ tính bổ sung lẫn nhau giữa khung lý thuyết TPACK và DigCompEdu trong việc hiểu và đo lường năng lực số giảng viên; (ii) nhận diện bốn điểm nghẽn cấu trúc trong phát triển năng lực số tại FTU; và (iii) đề xuất một khung năng lực số năm trụ cột được bối cảnh hóa cho đặc thù đào tạo của FTU, kèm theo bốn nhóm hàm ý quản trị nhân sự có tính khả thi.

Tuy nhiên, do nghiên cứu dựa chủ yếu trên dữ liệu thứ cấp, độ tin cậy và giá trị thực tiễn của khung đề xuất cần được kiểm định qua các bước nghiên cứu tiếp theo. Cụ thể, các hướng nghiên cứu tương lai cần ưu tiên: (1) tiến hành khảo sát định lượng quy mô lớn để kiểm định cấu trúc nhân tố và tính nhất quán nội tại của khung; (2) thực hiện nghiên cứu can thiệp (intervention study) để đánh giá hiệu quả của các chương trình bồi dưỡng năng lực số theo khung đề xuất; và (3) mở rộng so sánh đối chiếu với các trường đại học có đặc thù tương tự trong khu vực ASEAN nhằm tăng cường giá trị tổng quát hóa của kết quả nghiên cứu.

***Bài viết là sản phẩm của đề tài NCKH: “Phát triển năng lực số và ứng dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo cho giảng viên Tiếng Anh tại trường Đại học Ngoại thương”, mã số: NTCS2026-18***

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bowen, G. A. (2009). Document analysis as a qualitative research method. *Qualitative Research Journal*, 9(2), 27–40. <https://doi.org/10.3316/QRJ0902027>
- Crompton, H., & Burke, D. (2023). Artificial intelligence in higher education: The state of the field. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 20(1), 1–22. <https://doi.org/10.1186/s41239-023-00392-8>
- Dương, T. T., Nguyễn, T. H., & cộng sự. (2021). Chuyển đổi số trong giáo dục đại học: Nghiên cứu tổng quan. *TNU Journal of Science and Technology*, 226(09), 139–146. [Lưu ý: Đề nghị bổ sung danh sách đầy đủ tên tác giả theo yêu cầu APA 7th]
- Mishra, P., & Koehler, M. J. (2006). Technological pedagogical content knowledge: A framework for teacher knowledge. *Teachers College Record*, 108(6), 1017–1054. <https://doi.org/10.1111/j.1467-9620.2006.00684.x>
- Nazyrova, A., Miłosz, M., Bekmanova, G., Omarbekova, A., Aimicheva, G., & Kadyr, Y. (2025). The Digital Transformation of Higher Education in the Context of an AI-Driven Future. *Sustainability*, 17(22), 9927. <https://doi.org/10.3390/su17229927>
- Nguyễn Ngọc Đạt, Đào Trung Kiên, Phạm Thị Ánh Dương, Nguyễn Thị Thùy Linh, & Nguyễn Văn Duy. (2020). Ảnh hưởng của năng lực giảng viên tới động lực học tập và kiến thức thu nhận các môn chuyên ngành tại Trường Đại học Ngoại thương. *Tạp chí Kinh tế và Đối ngoại*, 122, 55–65.
- Nguyễn Thị Dung Huệ. (2020). Năng lực đội ngũ giảng viên các khoa có chuyên ngành ngôn ngữ thương mại tại Trường Đại học Ngoại thương: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Kinh tế và Đối ngoại*, 120, 120–129.

- Nguyễn Thị Minh Hà. (2018). Năng lực đội ngũ giảng viên các khoa có chuyên ngành ngoại ngữ thương mại tại Trường Đại học Ngoại thương. *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng*, 192, 120–129.
- Redecker, C. (2017). European framework for the digital competence of educators: DigCompEdu (Y. Punie, Ed.). Publications Office of the European Union. <https://doi.org/10.2760/159770>
- Trần Huy Quang. (2020). Đánh giá hiệu quả đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị tại Trường Đại học Ngoại thương. *Tạp chí Kinh tế và Đối ngoại*, 113, 78–85.
- Trần Thị Thu Hương. (2024). Đề xuất khung năng lực số của giảng viên đại học Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số. *Tạp chí Giáo dục*, 25(12), 1–15.
- Trịnh, T. P. T., & cộng sự. (2023). Xu hướng nghiên cứu về chuyển đổi số trong giáo dục: Một phân tích tổng quan. *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt 9, 77–82.
- Van den Broeck, W. (2024). Data literacy in the new EU DigComp 2.2 framework how DigComp defines competences on artificial intelligence, internet of things and data. *Information and Learning Sciences*. <https://doi.org/10.1108/ILS-06-2023-0072>
- Vũ, H. T., & Nguyễn, T. L. (2024). Phát triển năng lực số cho giảng viên đại học trong bối cảnh giáo dục thông minh. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 20(4), 45–53.